

Số: 3146/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn, giai đoạn 1 (lần 4), giai đoạn 2 (lần 2), tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/9/2015; Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày 22/11/2019; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ văn bản số 2073/TTg-KTN ngày 22/10/2014 của thủ tướng chính phủ về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn – Giai đoạn 2, tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4779/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt QHCT tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn – giai đoạn 1; điều chỉnh tại các Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 (lần 1), Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 3/4/2014 (lần 2), Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 (lần 3);

Căn cứ Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 3/8/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt QHPK tỷ lệ 1/2000 dự án Khu trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn (giai đoạn 2) huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt QHCT tỷ lệ 1/500 Khu

trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn – Giai đoạn 2, điều chỉnh tại Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 (lần 1);

Căn cứ văn bản số 585/UBND-CN3 ngày 06/02/2020 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh quy hoạch Khu trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn, giai đoạn 1 và giai đoạn 2, tại huyện Vĩnh Tường; Thông báo số 260/TB-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vũ Chí Giang tại cuộc họp nghe các sở ngành báo cáo một số đồ án quy hoạch xây dựng và dự án phát triển đô thị; ý kiến đồng ý phê duyệt đồ án quy hoạch của Tập thể Lãnh đạo UBND tỉnh tại phiếu trình của Văn phòng UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 645/TTr-SXD ngày 10/11/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thương mại và nhà ở Phúc Sơn, giai đoạn 1 (lần 4), giai đoạn 2 (lần 2), tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Lý do điều chỉnh quy hoạch.

Đồ án quy hoạch được phê duyệt điều chỉnh vào các năm 2014 và năm 2016, có một số nội dung không phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu phát triển chung của khu vực; ranh giới quy hoạch giai đoạn 1 và giai đoạn 2 cần điều chỉnh để lấy theo các lô đất quy hoạch; điều chỉnh, tách phần đất cơ quan hiện có, giao thông và dân cư hiện có ra khỏi phạm vi dự án; nhu cầu sử dụng đất cơ quan quy hoạch mới, trong đồ án cũ không còn. Vì vậy cần điều chỉnh quy hoạch để cơ cấu lại sử dụng đất, phù hợp Quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Tường và đô thị Thượng Trưng; đồng thời đồ án đã đến kỳ rà soát điều chỉnh 03 năm theo quy định.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn.

3. Phạm vi, quy mô quy hoạch:

3.1. Phạm vi: Theo các đồ án quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

3.2. Quy mô đất đai:

- Giai đoạn 1: 154.724m² (15,4724ha);
- Giai đoạn 2: 1.117.998,7m² (111,79987ha).

3.3. Quy mô dân số: Tổng dân số của 02 giai đoạn là 15.788 người.

- Giai đoạn 1 là 2.156 người, giảm 16 người;
- Giai đoạn 2 là 13.632 người, tăng 3.632 người.

4. Nội dung quy hoạch.

4.1. Tổng mặt bằng sử dụng đất.

4.1.1. Giai đoạn 1.

- Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất theo Bảng tổng hợp sử dụng đất như sau:

S T T	Loại đất	Điều chỉnh lần 3 năm 2016, (m ²)	Điều chỉnh lần 4		Tăng, giảm (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất ở	71.240	72.875,6	47,10	+ 1.635,6
1.1	Đất nhà ở kết hợp thương mại	26.533	27.875,6	18,02	+ 1.342,6
1.2	Đất nhà ở liền kề	31.189	24.300,0	15,70	- 6.889,0
1.3	Đất dịch vụ	3.495	3.495,0	2,30	0,0
1.4	Đất ở có sân vườn	10.023	17.205,0	11,10	+ 7.182,0
2	Đất công cộng	7.207	7.207,0	4,66	0,0
2.1	Đất giáo dục	3.993	3.993,0	2,58	0,0
2.2	Đất văn hóa	1.052	1.052,0	0,68	0,0
2.3	Đất y tế	2.162	2.162,0	1,40	0,0
3	Đất tín ngưỡng tôn giáo	1.496	1.547,0	1,00	+ 51,0
4	Đất cây xanh, công viên	10.474	10.474,0	6,77	0,0
5	Đất rãnh thoát nước	1.168	1.207,9	0,80	39,9
6	Đất giao thông	61.515	61.412,5	39,70	- 102,5
	Tổng	153.100	154.724,0	100,00	+ 1.624,0

Diện tích đất ở thương mại tăng, diện tích đất nhà ở liền kề giảm, diện tích đất nhà ở có sân vườn tăng, do cơ cấu lại sử dụng đất; tổng diện tích tăng 1.624m² do lấy vào phần diện tích của giai đoạn 2 để đảm bảo các lô đất ở nằm trọn vẹn trong phạm vi giai đoạn 1 của dự án.

- Chi tiết quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất ở có tổng diện tích 72.875,6m². Gồm đất ở kết hợp thương mại, tổng diện tích 27.875,6m² tại các lô đất ký hiệu từ TM1 đến TM12; đất ở liền kề tổng diện tích 24.300m² tại các lô đất ký hiệu từ LK10 đến LK24; đất dịch vụ giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt; đất ở có sân vườn, tổng diện tích 17.205m² tại các lô đất ký hiệu từ BT19 đến BT22.

+ Đất công cộng có tổng diện tích 7.207m², các thành phần đất và diện tích giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt.

+ Đất tín ngưỡng tôn giáo tại lô đất ký hiệu TG1, diện tích 1.547m².

+ Đất cây xanh công viên có tổng diện tích 10.474m² tại các lô đất ký hiệu CX1, CX2, CX3A và CX3B.

+ Đất rãnh thoát nước, diện tích 1.207,9m².

- Đất giao thông có tổng diện tích 61.412,5m².

4.1.2. Giai đoạn 2.

- Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất theo Bảng tổng hợp sử dụng đất như sau:

ST T	Loại đất	Điều chỉnh lần 1 năm 2014, (m ²)	Điều chỉnh lần 2		Tăng, giảm (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất công trình phục vụ công cộng	132.239	104.478,0	9,35	-27.761,0
1.1	Đất hành chính, văn hóa, y tế	34.855	23.996,0		-10.859,0
1.2	Đất trường THCS, tiểu học, mầm non	48.974	43.052,0		-5.922,0
1.3	Đất thương mại dịch vụ	48.410	37.430,0		-10.980,0
II	Đất ở	345.288	442.652,3	39,47	+97.364,3
2.1	Đất ở thấp tầng	274.645	419.054,2		+144.409,2
2.1.1	Đất ở liền kề	200.518	337.102,7		+136.584,7
2.1.2	Đất ở biệt thự	74.127	81.951,5		+7.824,5
2.2	Đất nhà ở xã hội và dịch vụ	70.643	23.598,1		-47.044,9
2.2.1	Đất nhà ở xã hội	34.286	23.598,1		-10.687,9
2.2.2	Đất dịch vụ	36.357	0		-36.357,0
III	Đất cây xanh mặt nước	152.898	118.700,0	10,58	-34.198,0
3.1	Đất cây xanh công viên, vườn hoa	103.166	82.721,0		-20.445,0
3.2	Đất mặt nước	49.732	35.979,0		-13.753,0
IV	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	5.427	5.427,0	0,48	0,0
V	Đất giao thông, bãi đỗ xe	347.085	446.741,4	39,96	+99.656,4
5.1	Đất giao thông	336.181	412.968,4		+76.787,4

ST T	Loại đất	Điều chỉnh lần 1 năm 2014, (m ²)	Điều chỉnh lần 2		Tăng, giảm (m ²)
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
5.2	Bãi đỗ xe	10.904	33.773,0		+22.869,0
	Tổng	1.147.400	1.117.998,7		-29.401,3

Diện tích đất công cộng giảm, diện tích đất cây xanh mặt nước giảm, tăng diện tích đất giao thông và bãi đỗ xe, đảm bảo chỉ tiêu theo QCVN 01: 2021/BXD; diện tích đất ở tăng, do không còn quy hoạch đất dịch vụ, quy hoạch thêm trên phần đất ngoài chức năng nhà ở đô thị và dịch vụ thương mại; Loại bỏ phần đất diện tích 29.401,3m² ra khỏi phạm vi dự án gồm đất cơ quan hiện có, đất nghĩa trang hiện có, đất giao thông và đất dân cư hiện trạng.

- Chi tiết quy hoạch sử dụng đất.

+ Đất công trình phục vụ công cộng, tổng diện tích 104.478m².

Gồm đất văn hóa, có tổng diện tích 20.466m² tại các lô đất ký hiệu từ CC01 đến CC05; đất y tế ký hiệu YT1, diện tích 3.530m²; đất trường mầm non, diện tích 13.056m² tại 02 lô đất ký hiệu GD1, GD4; đất trường tiểu học ký hiệu GD2, diện tích 15.212m²; đất trường THCS ký hiệu GD3, diện tích 14.784m²; đất thương mại dịch vụ có tổng diện tích 37.430m², tại các lô đất ký hiệu từ TM1 đến TM5.

+ Đất ở có tổng diện tích 442.652,3m².

Gồm đất ở liền kề, tổng diện tích 337.102,7m² tại các lô đất ký hiệu từ LK1 đến LK82; đất ở biệt thự, tổng diện tích 81.951,5m² tại các lô đất ký hiệu từ BT1 đến BT4, từ BT9 đến BT23; đất nhà ở xã hội thấp tầng, tổng diện tích 23.598,1m² tại các lô đất ký hiệu từ XH1 đến XH11

+ Đất cây xanh mặt nước có tổng diện tích 118.700m². Gồm đất cây xanh công viên, vườn hoa, có tổng diện tích 82.721m² tại các lô đất ký hiệu từ CX1 đến CX34; đất mặt nước, tổng diện tích 35.979m² tại các lô đất ký hiệu từ MN1 đến MN7.

+ Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải) ký hiệu KT1, diện tích 5.427m².

+ Đất giao thông và bãi đỗ xe có tổng diện tích 446.741,4m². Gồm đất đường giao thông diện tích 412.968,4m²; đất bãi đỗ xe, tổng diện tích 33.773m² tại các lô đất ký hiệu từ BX1 đến BX11.

4.1.3. Các chỉ tiêu đạt được của đồ án tính cho 02 giai đoạn.

- Đất ở: 32,65m²/người, đảm bảo đất đơn vị ở cho đô thị loại III - IV.

- Đất cây xanh: 5,9m²/ người, trong đó bố trí các sân chơi thể thao theo quy định.

- Đất giáo dục:

+ Trường mầm non: Quy hoạch tại 03 vị trí, tổng diện tích đất 17.049m², phục vụ cho 790 trẻ, đạt 21,58m²/trẻ.

+ Trường tiểu học: Quy hoạch tại 01 vị trí, diện tích đất 15.212m², phục vụ cho 1.026 học sinh, đạt 14,83m²/học sinh.

+ Trường THCS: Quy hoạch tại 01 vị trí, diện tích đất 14.784m², phục vụ cho 868 học sinh, đạt 17,03m²/học sinh.

- Công trình y tế trên 02 khu đất, tổng diện tích 5.692m².

- Nhà văn hoá bố trí tại 03 vị trí phù hợp cho các nhóm ở và bố trí quy hoạch 02 lô đất công cộng mới.

- Bãi đỗ xe cho 02 giai đoạn đạt 2,14m²/người. Đề nghị tại 03 lô đất quy hoạch bãi đỗ xe ký hiệu BX2, BX3 và BX8, đầu tư xây dựng công trình bãi đỗ xe cao 02 tầng, để đảm bảo theo QCVN 01: 2021/BXD.

4.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị.

- Mật độ xây dựng: Đối với các ô đất ở tối đa 100%; các lô đất công trình công cộng, giáo dục, y tế tối đa 40%; các lô đất dịch vụ thương mại tối đa 80%; các lô đất cây xanh tối đa 5%. Cụ thể theo quy định tại QCVN 01: 2021/BXD.

- Chiều cao công trình: Nhà ở tối đa 05 tầng; công trình công cộng, giáo dục, y tế tối đa 03 tầng; công trình dịch vụ thương mại tối đa 07 tầng; trong lô đất cây xanh tối đa 01 tầng.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trên cơ sở hài hòa với kiến trúc và cảnh quan khu vực; kiến trúc công trình hiện đại phù hợp với loại hình và công năng công trình trong khu vực.

- Hình khối kiến trúc, màu sắc chủ đạo:

+ Đối với các công trình công cộng, dịch vụ: Có không gian kiến trúc lớn, mặt bằng linh hoạt thay đổi dễ dàng để phù hợp với đặc thù phục vụ của mỗi công trình. Kiến trúc hiện đại đơn giản, khúc triết, đường nét mạch lạc phù hợp với yêu cầu hoạt động hấp dẫn của công trình. Màu sắc công trình chủ yếu dùng các màu trung tính, có tông độ nhạt như màu ghi đá, màu trắng,... nhằm làm nổi bật công trình tạo ấn tượng thu hút khách, hài hoà với thiên nhiên.

+ Đối với các công trình nhà ở: Hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống, mái dốc lợp ngói, vật liệu xây dựng bền vững, thân thiện với môi trường, chú trọng không gian cây xanh quanh nhà. Sử dụng các màu sắc tạo sự hài hoà với thiên nhiên. Tổ chức hợp lý giữa không gian ở chính, không gian phụ trợ. Các không gian sử dụng tiện nghi, phù hợp với điều kiện sinh hoạt hiện đại.

4.3. Giao thông, chỉ giới xây dựng.

Giao thông giai đoạn 1 và giai đoạn 2 gồm các loại mặt cắt như sau :

- Mặt cắt 1-1: $B = 24\text{m} (4,5 + 7,5 + 7,5 + 4,5)\text{m}$.
 - Mặt cắt 2-2, 2'-2': $B = 27\text{m} (4,5 + 7,5 + 3,0 + 7,5 + 4,5)\text{m}$.
 - Mặt cắt 2A-2A: $B = 27\text{m} (5,0 + 7,5 + 2,0 + 7,5 + 5,0)\text{m}$.
 - Mặt cắt 3-3, 3'-3': $B = 19,5\text{m} (4,5 + 10,5 + 4,5)\text{m}$.
 - Mặt cắt 3A-3A: $B = 19,5\text{m} (6,0 + 7,5 + 6,0)\text{m}$.
 - Mặt cắt 4-4, 4'-4': $B = 16,5\text{m} (4,5 + 7,5 + 4,5)\text{m}$.
 - Mặt cắt 5-5: $B = 50,0\text{m} (3,5 + 8,0 + 5,0 + 7,5 + 2,0 + 7,5 + 5,0 + 8,0 + 3,5)\text{m}$.
 - Mặt cắt 6-6, 6'-6': $B = 13,5\text{m} (3,0 + 7,5 + 3,0)\text{m}$.
 - Mặt cắt 6A-6A: $B = 18,3\text{m} - 20,8\text{m} (5,4 + 7,5 + 5,4 - 7,9)\text{m}$.
 - Mặt cắt 7-7: $B = 11,5\text{m} (3,5 + 8,0)\text{m}$.
- Chỉ giới xây dựng phụ thuộc vào cấp hạng đường; tính chất, chức năng sử dụng của các lô đất quy hoạch; tuân thủ QCVN 01: 2021/BXD.

4.4. San nền, thoát nước mưa:

4.4.1. San nền.

- Giai đoạn 1: Giữ nguyên theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- Giai đoạn 2:
 - + Giải pháp san nền: San nền theo độ dốc địa hình tự nhiên, theo cao độ các tuyến đường giao thông. Hướng dốc về khu vực hồ cảnh quan ở trung tâm dự án.

+ Lựa chọn cao độ nền:

* Cao độ san nền lớn nhất $H_{\max} = 12,30\text{m}$;

* Cao độ san nền nhỏ nhất $H_{\min} = 9,80\text{m}$;

4.4.2. Thoát nước mưa.

- Giai đoạn 1: Giữ nguyên theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- Giai đoạn 2: Cơ bản theo quy hoạch đã được phê duyệt; điều chỉnh, bổ sung một số tuyến theo các tuyến đường giao thông điều chỉnh. Căn cứ vào lưu lượng thoát nước bố trí các tuyến cống chạy dọc theo đường giao thông. Khoảng cách 40 – 60m bố trí các hố ga thu nước rồi chảy vào các cống thoát nước mưa trên các tuyến đường, đổ ra hồ, thoát ra sông Phan.

Sử dụng các cống thoát nước mặt B600 đến B1800.

4.5. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Nước cấp cho dự án được lấy từ nguồn của Nhà máy nước Việt Xuân công suất 30.000m³/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế liên thông giữa giai đoạn 1 và giai đoạn 2. Ống cấp nước dùng loại ống HDPE. Tuyến ống trục chính chạy dọc theo ĐT 304 dùng ống D225, ống phân phối dùng ống D110, D75, ống dịch vụ dùng ống D50. Hệ thống trụ cứu hỏa sử dụng nước từ đường ống D110 đặt trên vỉa hè, khoảng cách tối đa 150m một trụ.

4.6. Cấp điện và chiếu sáng:

- Giai đoạn 1: Đã thi công, hoàn thành, cơ bản giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt.

- Giai đoạn 2:

+ Điều chỉnh toàn bộ hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng từ đi nổi thành đi ngầm để đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Điều chỉnh bổ sung thêm 1 TBA nâng số trạm dự kiến từ 15TBA thành 16TBA để cấp cho khu vực mở rộng phía đông nam dự án và điều chỉnh công suất trạm biến áp cho phù hợp với nhu cầu.

+ Bố trí tủ điện hạ thế 0,4KV loại cấp cho 6 đến 8 hộ được đặt vị trí mép ngoài vỉa hè đường quy hoạch.

+ Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp điện, điện chiếu sáng, điều chỉnh vị trí đặt trạm biến áp các khu vực điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và điều chỉnh mạng lưới giao thông.

4.7. Thông tin liên lạc:

Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc bao gồm: Điện thoại, đường truyền internet tốc độ cao, hệ thống truyền hình cáp được xây dựng kết nối đồng bộ với hệ thống thông tin liên lạc của tổng đài trung tâm. Các tuyến cáp thông tin liên lạc được đi ngầm và luồn trong ống PVC, ống nhựa gân xoắn HDPE.

4.8. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường.

- Giai đoạn 1:

+ Điều chỉnh không bố trí trạm xử lý nước thải trên phạm vi đất giai đoạn 1. Nước thải được thu gom và chuyển về xử lý tập trung tại trạm xử lý thuộc giai đoạn 2 của dự án.

+ Hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa được thiết kế thành mạng riêng biệt. Mạng lưới thu gom nước thải sử dụng kết hợp giữa rãnh xây và công tròn bê tông hoặc cống nhựa đảm bảo phù hợp với thực tế.

- Giai đoạn 2:

+ Hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa được thiết kế thành mạng riêng biệt. Mạng lưới thoát nước thải được điều chỉnh lại theo mạng lưới đường giao thông

+ Mạng thu gom thoát nước thải sử dụng là hệ thống rãnh D200, D300, D400, D600, D800, B300, B400, B500. Nước thải được thu gom về trạm xử lý đặt ở phía đông dự án.

- Vệ sinh môi trường: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, được thu gom hàng ngày và sử dụng xe chuyên dụng, chuyên chở đến khu xử lý chung của địa phương.

4.9. Các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống thoát nước thải, nước mưa; thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng, thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh hàng ngày;

- Xây dựng quy chế, quy định về vệ sinh môi trường khu vực; tuyên truyền, giáo dục dân cư trong khu đô thị và khu vực có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, hạn chế gây ô nhiễm, thực hiện tốt các chương trình vệ sinh cộng đồng.

Chi tiết thể hiện tại bản vẽ quy hoạch chi tiết đã được Sở Xây dựng thẩm định; ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch kèm theo quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Vĩnh Tường, UBND các thị trấn Vĩnh Tường, Thổ Tang, UBND các xã Thượng Trưng, Vĩnh Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt để các tổ chức, các nhân biết và cùng giám sát thực hiện quản lý đầu tư, xây dựng theo quy hoạch; triển khai các thủ tục tiếp theo của dự án, chấp thuận đầu tư và các thủ tục về đất đai theo quy định; thực hiện việc đầu tư xây dựng theo quy định.

2. Các sở ngành Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, UBND huyện Vĩnh Tường đôn đốc, giám sát chủ đầu tư triển khai thực hiện các thủ tục về xây dựng, đất đai, đầu tư, môi trường...theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao Thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Tường, Chủ tịch UBND các thị trấn Vĩnh Tường, Thổ Tang; Chủ tịch UBND các xã Thượng Trưng, Vĩnh Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Chí Giang